

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Đề án tuyển sinh Sau đại học năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Căn cứ Luật giáo dục Đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định chỉ tiêu tuyển đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 31/03/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Y khoa Vinh về việc phê duyệt phương án tuyển sinh sau đại học, đại học năm 2025.

Theo đề nghị của trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyển sinh sau đại học của trường Đại học Y khoa Vinh (có đề án kèm theo).

Điều 2. Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2025 là căn cứ để tổ chức triển khai thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Vinh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2025, các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển sinh, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- UBND tỉnh Nghệ An (b/c);
- BGH (để chỉ đạo)
- Như điều 3 (để thực hiện)
- QLKH&HTQT (đăng website)
- Lưu VT-SĐH



Nguyễn Văn Tuấn

Nghệ An, ngày 17 tháng 4 năm 2025

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

(ban hành kèm theo Quyết định số 510/QĐ-ĐHYKV ngày 17/4/2025 của
Hiệu trưởng trường Đại học Y khoa Vinh)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo

- Tên trường: Trường Đại học Y khoa Vinh

- Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược, hỗ trợ phát triển hệ thống y tế, cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và cả nước.

- Địa chỉ: 161- Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: <https://www.vmu.edu.vn>;

- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 023.83524622 - 0943344416 - 0912584133

- Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT

- Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược, cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Tầm nhìn đến năm 2030: Xây dựng Trường trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ cao đảm bảo chất lượng, là trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về y dược có uy tín.

Giá trị cốt lõi: "Chuyên nghiệp - Chất lượng - Hội nhập - Phát triển".

Triết lý giáo dục: "Tư duy, sáng tạo, nhân ái". 12

2. Quy mô đào tạo

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Quy mô đào tạo	Hình thức và thời gian đào tạo
1	<i>Thạc sĩ</i>		
1.1	Y tế công cộng	40	Tập trung 2 năm
2	<i>Chuyên khoa cấp I</i>		
2.1	Chuyên ngành Nội khoa	90	Tập trung 2 năm
2.2	Chuyên ngành Nhi khoa	90	Tập trung 2 năm
2.3	Chuyên ngành Sản phụ khoa	40	Tập trung 2 năm
2.4	Chuyên ngành Tai mũi họng	60	Tập trung 2 năm

3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

+ **Cơ sở 1:** Diện tích đất: 19.213,6m², bao gồm: Nhà hiệu bộ; Nhà kỹ thuật thực hành; Nhà giảng đường; Nhà thư viện; Nhà đa năng; Nhà ký túc xá; bệnh viện Trường.

- Nhà hiệu bộ: Diện tích xây dựng 776m², diện tích sàn 2.328m²
- Nhà kỹ thuật thực hành: Diện tích xây dựng 690m², diện tích sàn 2.760m²
- Nhà giảng đường: Diện tích xây dựng 985m², diện tích sàn 3.940m²
- Nhà thư viện: Diện tích xây dựng 855m², diện tích sàn: 2.565m²
- Nhà làm việc kiêm Gara oto: Diện tích xây dựng 166m², diện tích sàn 498m²
- Nhà ký túc xá 5 tầng: Diện tích xây dựng 1.895m², diện tích sàn 9.475m²
- Nhà đa năng diện tích xây dựng 677m², diện tích sàn 1.375,96m²
- Bệnh viện Trường gồm:

- + Toà nhà 9 tầng: Diện tích xây dựng 999m², diện tích sàn 9.470m²
- + Toà nhà 4 tầng: Diện tích xây dựng 461m², diện tích sàn 1.844m²
- + Toà nhà 2 tầng: Diện tích xây dựng 182m², diện tích sàn 364m²

+ **Cơ sở 2:** Diện tích đất: 72,871.1m²

Hiện tại đã xây dựng và đưa vào sử dụng 01 Nhà giảng đường lý thuyết, đang triển khai đầu tư xây dựng các toà nhà chức năng khác.

Nhà giảng đường lý thuyết: Diện tích xây dựng 1.190m², diện tích sàn 6.198m²

+ Diện tích sàn xây dựng trực tiếp đào tạo:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích xây dựng (m ²)
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học, phòng làm việc		4.624 m²
1.1.	Hội trường	02	882
1.2.	Phòng học lớn trên 200 chỗ	01	130
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	36	1.843
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	9	580
1.4.	Phòng học dưới 50 chỗ	10	800
1.5.	Phòng học đa phương tiện	5	389
1.6.	Phòng làm việc (GS, PGS, GV cơ hữu)	45	1.395,2
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	01	2.565 m²
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập		14.438 m²
3.1.	Khu thực hành, thí nghiệm	24	2.760
3.2.	Bệnh viện trường ĐHYK Vinh	01	11.678
3.3.	Cơ sở thực hành thực tập (Bệnh viện, Trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An)	25	
	Tổng		21.627 m²

3.2. Cơ sở thực hành thực tập: Bệnh viện, Trung tâm y tế là cơ sở thực hành, thực tập của trường đóng trên địa bàn tỉnh Nghệ An gồm:

- 01 bệnh viện Trung ương: Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập; 01 Phân viện pháp y tâm thần Bắc miền Trung.

- 13 Bệnh viện tuyến tỉnh: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nghệ An (Bệnh viện tuyến cuối về kỹ thuật chuyên môn khám, chữa bệnh khu vực Bắc Trung Bộ); Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An; Bệnh viện Ung bướu Nghệ An; Bệnh viện Tâm thần Nghệ An; Bệnh viện Nội tiết Nghệ An; Bệnh viện Phổi Nghệ An; Bệnh viện Điều dưỡng-Phục hồi chức năng; Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Nghệ An; Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An; Bệnh viện Da liễu Nghệ An; Bệnh viện Mắt Nghệ An; Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc; Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam.

- 01 Bệnh viện ngành: Bệnh viện Quân Y4. *10/*

- 05 Bệnh viện tư nhân: Bệnh viện 115; Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông; Bệnh viện Đa khoa TTH Vinh; Bệnh viện Thành An; Bệnh viện Quốc tế Vinh.

- 05 Trung tâm y tế dự phòng và chuyên khoa cấp tỉnh: Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) Nghệ An; Trung tâm huyết học và truyền máu; Trung tâm Kiểm nghiệm Dược và Mỹ phẩm; Trung tâm giám định pháp y tỉnh; Trung tâm giám định y khoa. 02 Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

- 07 Bệnh viện đa khoa tuyến huyện hạng II và 21 Trung tâm y tế huyện (12 Trung tâm y tế thực hiện 2 chức năng khám chữa bệnh và dự phòng; 09 Trung tâm y tế thực hiện chức năng dự phòng).

- Tổng số giường bệnh công lập: 4.000 (tuyến tỉnh 1815; tuyến huyện: 1885; Bệnh viện ngành: 300).

- 460 trạm Y tế phường, xã với gần 2000 giường bệnh dân lập.

II. THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

1. Đối tượng tuyển sinh: Người dự tuyển phải có đủ sức khỏe để học tập theo quy định và hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến)

TT	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành	Chỉ tiêu
1	Thạc sĩ	Y tế công cộng	15
2	Chuyên khoa cấp I	Nội khoa	30
		Nhi khoa	30
		Sản phụ khoa	20
		Tai mũi họng	25

5. Điều kiện dự tuyển

5.1. Điều kiện chung

- Đáp ứng điều kiện về văn bằng và kinh nghiệm công tác theo yêu cầu của từng ngành/chuyên ngành đào tạo;

- Có đủ sức khỏe học tập theo quy định;

- Không bị kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm đăng ký dự tuyển;

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn quy định.

5.2. Điều kiện về văn bằng và thâm niên công tác

1.5.1. Dự tuyển trình độ thạc sĩ

a) Về văn bằng (đáp ứng một trong các điều kiện sau):

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành dự tuyển (Ngành đúng, ngành phù hợp gồm: Cử nhân Y tế công cộng, Bác sĩ Y học dự phòng);

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi và có chứng chỉ học bổ sung kiến thức khi nộp hồ sơ (Ngành gần gồm: Y đa khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Răng hàm mặt, Dược sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Dinh dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật phục hình răng, Tổ chức và quản lý y tế, Quản lý bệnh viện, Y sinh học thể dục thể thao);

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) khác với chuyên ngành đăng ký dự thi và có chứng chỉ học bổ sung kiến thức khi nộp hồ sơ (Ngành khác gồm: Sinh học, Môi trường, Dân số, Kinh tế, Hóa học, Xã hội học, Nhân học).

b) Về năng lực ngoại ngữ (đáp ứng một trong các điều kiện sau):

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên có chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng tiếng nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp đã được Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ tối thiểu Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trong tuyển sinh trình độ sau đại học và còn hiệu lực 02 năm tính đến ngày thi tuyển.

1.5.2. Dự tuyển chuyên khoa cấp I

a) Về văn bằng (đáp ứng các điều kiện sau):

- Có bằng tốt nghiệp Bác sĩ y khoa (Bác sĩ đa khoa). Riêng đối với những Bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi chuyên ngành đang làm việc, các thí sinh thuộc diện này cần nộp đầy đủ các minh chứng làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi.

- Có chứng chỉ hành nghề theo Quy định của Luật Khám chữa bệnh. 12

b) Thâm niên công tác (tính đến ngày nộp hồ sơ)

Đối với trường hợp đăng ký dự thi chuyên ngành khác với phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề đã được cấp thì phải có xác nhận của thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi.

6. Hình thức và môn thi tuyển

- Hình thức: tự luận
- Môn thi: 02 môn (môn Cơ sở và môn Chuyên ngành)

7. Đối tượng và chính sách ưu tiên

7.1. Đối tượng

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (*tính đến ngày nộp hồ sơ*) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, người dự tuyển phải có quyết định tiếp nhận công tác, tuyển dụng của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số hiện có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên (*tính đến ngày đăng ký dự thi*) ở địa phương được quy định là Khu vực 1;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

7.2. Chính sách ưu tiên

Người dự tuyển chỉ được xét ưu tiên khi nộp đầy đủ giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên. Không giải quyết các trường hợp nộp bổ sung sau khi nhà trường xét duyệt hồ sơ. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng mức ưu tiên cao nhất. Người dự tuyển thuộc diện ưu tiên được cộng vào kết quả thi 01 điểm cho môn cơ sở (thang điểm 10).

8. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Học phí được xác định đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; Các quy định có liên quan (nếu có) và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

3. TỔ CHỨC TUYỂN SINH

Triển khai tổ chức thi tuyển theo quy định hiện hành.

Kế hoạch cụ thể được quy định trong thông báo tuyển sinh.

Lệ phí tuyển sinh, học phí theo quy định hiện hành.

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế.

Địa điểm: Trường Đại học Y khoa Vinh



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn

